

QUYẾT ĐỊNH

V/v thu hồi đất giao về cho địa phương quản lý; giao đất cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi để quản lý, sử dụng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông nghiệp, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc; lập bản đồ địa chính; xác định giá cho thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với công ty nông nghiệp, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi tại Tờ trình số 08/TTr-Cty ngày 08/8/2018 và Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 430/TTr-STNMT ngày 20/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi một phần diện tích đất của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi đang quản lý và giao về cho UBND huyện Ngọc Hồi quản lý; giao đất cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi để quản lý, sử dụng theo quy định, cụ thể như sau:

1. Giao đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi quản lý sử dụng không thu tiền sử dụng đất:

1.1. Vị trí đất: Tại các tiểu khu 155, 156, 158, 159 xã Đăk Dục; tiểu khu 161, 162, 163, 164, 165 xã Đăk Nông; tiểu khu 168, 169, 170, 171, 172, 173 xã Đăk Xú; tiểu khu 183, 186, 187, 188a xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

1.2. Diện tích đất giao quản lý, sử dụng không thu tiền sử dụng đất là: 16.023,87ha, trong đó:

- Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 15.243,78ha.
- Đất rừng phòng hộ: 167,64ha (Đất có rừng tự nhiên phòng hộ: 68,08ha; Đất có rừng trồng phòng hộ: 14ha; Đất chưa có rừng phòng hộ: 85,56ha).

- Đất chưa có rừng sản xuất, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên: 612,46ha.

1.3. Thời hạn giao đất: Lâu dài.

(có biểu tổng hợp số 01 và bản đồ vị trí đất kèm theo)

2. Diện tích đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi và giao về UBND huyện Ngọc Hồi quản lý.

2.1. Vị trí đất: Tại các tiểu khu 155, 156 xã Đăk Dục; tiểu khu 165 xã Đăk Nông; tiểu khu 170, 173, 174 xã Đăk Xú; tiểu khu 183, 184, 186, 187 xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

2.2. Diện tích: 3.811,76ha, trong đó:

- Xã Đăk Dục: 465,86ha (tiểu khu 155 là: 272,5ha, tiểu khu 156 là: 193,36ha).
- Xã Đăk Nông: 233,58ha (tiểu khu 165 là: 233,58ha).
- Xã Đăk Xú: 2.151,63ha (tiểu khu 170 là: 725,97ha, tiểu khu 173 là: 844,35ha, tiểu khu 174 là: 581,32ha).
- Xã Bờ Y: 960,69ha (tiểu khu 183 là: 229,88ha, tiểu khu 184 là: 209,17ha, tiểu khu 186 là: 209,42ha, tiểu khu 187 là: 312,22ha).

2.3. Các loại đất giao về địa phương:

- Đất quy hoạch đất rừng sản xuất: 1.997,5ha; Đất quy hoạch đất rừng phòng hộ 200,10ha (hiện trạng người dân đang sản xuất nông nghiệp).
- Đất rừng sản xuất: 548,53ha.
- Đất phi nông nghiệp (mặt nước chuyên dùng): 1,53ha.
- Đất chưa sử dụng: 254,78ha.
- Đất thuộc dự án chuyển đổi trồng cao su trên đất lâm nghiệp: 809,31ha.

(có biểu tổng hợp số 02 và bản đồ vị trí đất kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Thông báo cho tổ chức sử dụng đất nộp phí và lệ phí theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì phối hợp với Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi bàn giao đất cho UBND huyện Ngọc Hồi quản lý.

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính.

2. UBND huyện Ngọc Hồi có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi nhận bàn giao diện tích đất trả về cho địa phương quản lý.

- Xây dựng phương án sử dụng đất đối với diện tích đất Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi bàn giao về địa phương, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo qui định.

3. Kể từ ngày ban hành Quyết định này các Văn bản trước đây liên quan đến nội dung các nội dung nêu trên không còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Ngọc Hồi; Giám đốc Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hồi và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VT, NNTN

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Biểu 01: TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**
(Kèm theo Quyết định số **898** /QĐ-UBND ngày **23** /8/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Stt	Loại đất	Tổng diện tích	Phân theo các đơn vị hành chính xã			
			Xã Đăk Dục	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Xú	Xã Bờ Y
1	Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	15.243,78	3.964,61	5.820,15	4.570,82	888,19
2	Đất rừng phòng hộ	167,64	-	-	-	167,64
	Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	68,08	-	-	-	68,08
	Đất có rừng trồng phòng hộ	14,00	-	-	-	14,00
	Đất chưa có rừng phòng hộ	85,56	-	-	-	85,56
3	Đất chưa có rừng sản xuất, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên	612,46	58,38	32,29	450,64	71,15
	Tổng	16.023,87	4.022,99	5.852,44	5.021,46	1.126,98

(Handwritten signature)



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu 02: TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI
CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
(Kèm theo Quyết định số **898** /QĐ-UBND ngày **23** /8/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Stt	Loại đất	Tổng diện tích	Phân theo các đơn vị hành chính xã			
			Xã Đăk Dục	Xã Đăk Nông	Xã Đăk Xú	Xã Bờ Y
1	Đất nông nghiệp	2.197,60	63,28	167,98	1.174,06	792,28
	<i>Quy hoạch đất rừng sản xuất</i>	1.997,50	63,28	167,98	1.174,06	592,18
	<i>Quy hoạch đất rừng phòng hộ</i>	200,10	-	-	-	200,10
2	Đất rừng sản xuất	548,53	130,08	65,60	303,53	49,32
3	Đất phi nông nghiệp (mặt nước chuyên dùng)	1,53	-	-	1,53	-
4	Đất chưa sử dụng	254,78	-	-	135,69	119,09
	<i>Quy hoạch đất rừng sản xuất</i>	245,46	-	-	135,69	109,77
	<i>Quy hoạch đất rừng phòng hộ</i>	9,32	-	-	-	9,32
5	Đất thuộc dự án chuyển đổi trồng cao su trên đất lâm nghiệp	809,31	272,50	-	536,81	-
	<i>Đất đã trồng cao su</i>	444,19	137,26	-	306,93	-
	<i>Đất chưa sử dụng nằm trong dự án chuyển đổi trồng cao su</i>	365,12	135,24	-	229,88	-
	Tổng	3.811,76	465,86	233,58	2.151,62	960,69